

Bản án số: 39/2018/HS-ST

Ngày: 13 - 6 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Triều

Các hội thẩm nhân dân: Ông Danh Đức

Ông Lê Bích

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Minh Cảnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2018/TLST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Thanh V, sinh năm 1988; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: ấp Vạn Thanh, xã T, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thanh Lộc, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; nghề nghiệp: nội trợ; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/5/2017 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Việt B - Thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- Bị hại:

1. Danh A, sinh năm: 1978;

Chỗ ở hiện nay: ấp K, xã S, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

2. Danh T, sinh năm: 1994 (chết);

- Người đại diện hợp pháp của người bị hại Danh T, sinh năm: 1994 (chết): Bà Thị B, sinh năm: 1962 (có mặt) và ông Danh H, sinh năm: 1963 (vắng mặt);

Chỗ ở hiện nay: ấp H, xã T, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1971 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

2. Ông Trần Thanh L, sinh năm: 1967 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);
Chỗ ở hiện nay: Số nH 22, Tổ 2, ấp V, xã T, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Danh C, sinh năm: 1996 (có mặt);

Chỗ ở hiện nay: ấp H, xã T, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

2. Anh Danh T, sinh năm: 1992 (có mặt);

Chỗ ở hiện nay: ấp Q, xã T, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

3. Anh Danh N, sinh năm: 1988 (vắng mặt);

Chỗ ở hiện nay: ấp Q, xã T, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

4. Anh Danh S, sinh năm: 1977 (chết);

Chỗ ở: ấp G, xã S, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

5. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm: 1988 (vắng mặt);

Chỗ ở hiện nay: ấp 6, xã Q, huyện V, thành phố C.

6. Anh Trần Văn D, sinh năm: 1989 (vắng mặt);

Chỗ ở hiện nay: ấp H, xã T, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

7. Anh Danh Đ, sinh năm: 1986 (vắng mặt);

Chỗ ở hiện nay: Tổ 2, ấp Q, xã T, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

8. Bà Thị D, sinh năm: 1963 (có mặt);

Chỗ ở hiện nay: Tổ 2, ấp Q, xã T, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ ngày 30/5/2017, Danh T, Danh T, Danh D, Danh C, Danh S, Danh A, Danh N tổ chức uống rượu, bia tại phòng số 1 của quán “Điểm Hẹn” thuộc ấp Q, xã T, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang. Sau khi uống hết 01 két bia và 01 lít rượu thì nhóm nghỉ uống, Danh N ra về, C lại cả nhóm vào phòng Karaoke của quán hát và uống bia tiếp. Đến 19 giờ cùng ngày, Trần Thanh V điều khiển xe mô tô đến quán “Điểm Hẹn” thì bị té ngã xe nên nhân viên của quán đến đỡ V đứng lên, sau đó V đến phòng karaoke nơi nhóm của T đang hát mở cửa nhiều lần để tìm bạn gái tên My thì bị nhóm của T đuổi đánh, V bỏ chạy ra phía sau quán nằm. Đến khoảng 21 giờ, V điện thoại về nH kêu cha ruột là Trần Thanh L và em rể là Nguyễn Văn L đón về. Điều khiển xe mô tô chở V, nhưng do V không đội mũ bảo hiểm nên công an giao thông mời L về xã T xử lý, C V và L quay lại quán “Điểm Hẹn” lấy xe của V về đến trước nH số 343, ấp Q, xã T, huyện Đ thì gặp Trường điều khiển xe mô tô chở A và T đến nơi V đứng. Trường, A, T xuống xe, Trường rượt đuổi đánh L, nhưng không kịp, Trường bỏ đi luôn. T cầm vỏ chai bia Sài Gòn đánh vào người V, làm vỡ chai bia rơi xuống đường bê. Lúc này, V mở cốp xe của V lấy một con dao xếp cầm tay phải bỏ

chạy được khoảng 20m – 30m thì mở lưỡi dao ra (dao dài 24,5cm), T và A đuổi kịp V, T và A xông vào đánh V bằng tay không, V dùng dao xếp cầm tay phải, mũi dao hướng về trước đâm nhiều nhất trúng vào cổ, ngực, bụng, tay của T, V cầm dao đâm trúng một nhát vào mông phải của A, A bỏ chạy. T và V tiếp tục đánh nhau được một lúc thì T bỏ chạy và ngã gục trước nh Danh Mạnh. T được mọi người đưa đi cấp cứu nhưng do vết thương quá nặng nên đã tử vong, A bị thương tích ở mông phải, sức khỏe bị giảm do thương tích gây nên hiện tại là 8%. Sau khi gây án, V đến cơ quan Công an đầu thú và bị tạm giam cho đến nay.

Tại bản kết luận giám định pháp y tử thi số 298/KL-KTHS ngày 26/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang, kết luận đối với Danh T, sinh năm 1995 như sau:

1. Các kết quả chính:

- Vùng ngực phải có vết thương bờ mép sắc gọn, đứt cơ liên sườn 3-4 và sụn sườn số 4 bên phải, sâu thủng vào khoang ngực phải, đứt thùy giữa phổi phải;
- Tụ máu cơ vùng ngực trái. Đứt cơ liên sườn 3-4 bên trái;
- Đứt thùy trên phổi trái. Khoang màng phổi trái có khoảng 100ml máu loãng và 500g máu cục. Khoang màng phổi phải có khoảng 1000ml máu loãng;
- Vùng đường nách trước bên trái có vết thương bờ mép sắc gọn, đứt cơ liên sườn 6-7 bên trái, sâu thủng vào khoang ngực trái, đứt thủng cơ hoành bên trái. Khoang màng phổi trái có khoảng 30ml máu loãng.
- Vùng bụng trái có vết thương bờ mép sắc gọn, sâu thủng vào khoang bụng, lòi ruột ra ngoài, đứt mặt ngoài ruột non.

2. Kết luận:

Danh T, sinh năm 1995; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ấp Q, xã T, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang tử vong sốc mất máu cấp do vết thương thấu ngực gây thủng phổi phải.

Vết thương trên người Danh T thấu ngực phải, thủng phổi phải gây sốc mất máu cấp dẫn đến tử vong có đặc điểm phù hợp với đặc điểm của vết thương do vật sắc nhọn gây nên.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 667/KL-KTHS ngày 10/11/2017 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Kiên Giang, kết luận đối với Danh A, sinh năm 1978 như sau:

Dấu hiệu chính qua giám định: sẹo phân mềm vùng mông phải. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 8% (tám phần trăm).

Vật chứng vụ án thu giữ trong đó có 01 cây dao xếp dài 24,5cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 11cm, chỗ rộng nhất 2,5cm, một đầu nhọn và một cạnh sắc, cán kim loại mặt hai bên có ốp gỗ màu nâu rộng 3cm.

Tại Cáo trạng số 24/CT-VKSKG-P2 ngày 10/5/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo Trần Thanh V về tội “Giết người” và “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2, Điều 123 và điểm a, khoản 1, Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2, Điều 123 và điểm a, khoản 1, Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Thanh V 07 - 08 năm tù về tội giết người và xử phạt 06 - 12 tháng tù về tội cố ý gây thương tích. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt tuyên phạt bị cáo V mức án từ 07 năm 06 tháng đến 09 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 590, 591 Bộ luật Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo Trần Thanh V phải bồi thường số tiền mai táng phí và bồi thường tổn thất tinh thần cho gia đình bị hại Danh T là 40.500.000 đồng, bồi thường chi phí điều trị thương tích là 4.349.610 đồng và tiền công lao động 03 tháng cho bị hại Danh A là 18.000.000 đồng, theo thỏa thuận với bị cáo tại phiên tòa.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu, tiêu hủy toàn bộ vật chứng đã thu giữ theo Quyết định chuyển giao vật chứng số 19/QĐCGVC ngày 10/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Trần Thanh V khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như nội dung bản Cáo trạng mà vị đại diện Viện kiểm sát đã công bố tại phiên tòa.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo xin lỗi bị hại, gia đình bị hại và xin Hội đồng xét xử cho bị cáo mức án nhẹ nhất để sớm về đoàn tụ với gia đình.

Quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo: Thống nhất với Cáo trạng của Viện Kiểm sát truy tố bị cáo theo khoản 2, Điều 123 và điểm a, khoản 1, Điều 134 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, động viên gia đình khắc phục một phần chi phí mai táng cho gia đình bị hại, sau khi gây án bị cáo ra đầu thú nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình.

Người đại diện hợp pháp của người bị hại Danh T - bà Thị B yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền mai táng phí C lại là 20.500.000 đồng và bồi thường tổn thất tinh thần 20.000.000 đồng.

Bị hại Danh A yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí điều trị thương tích là 4.349.610 đồng và tiền công lao động 03 tháng là 18.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Do xảy ra việc đánh nhau tại quán “Điểm Hẹn” thuộc ấp Q, xã T, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang giữa V và nhóm của Danh T nên khoảng 21 giờ ngày 30/5/2017, trên đường về nhà V bị A và T xông vào đánh bằng tay, V đã mở cốp xe lấy một con dao xếp (dài 24,5cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 11cm), V mở lưỡi dao, cầm dao bằng tay phải, mũi dao hướng về trước đâm nhiều nhát trúng vào vùng cổ (01 vết thương), ngực, bụng (05 vết thương) và tay (02 vết thương) của T, gây nên vết thương thấu ngực phải, thủng phổi phải gây sốc mất máu cấp dẫn đến tử vong thấu ngực phải, thủng phổi phải gây sốc mất máu cấp dẫn đến T tử vong, còn A bị V cầm dao đâm trúng một nhát vào mông phải gây nên sẹo phần mềm vùng mông phải, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 8%. Qua trình điều tra và tại phiên tòa, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại Danh A, lời khai của người làm chứng đi chung nhóm với Danh T và phù hợp với kết luận giám định pháp y. Bị cáo có đầy đủ nhận thức, năng lực hành vi để biết việc con dao xếp, lưỡi bằng kim loại, có đặc điểm sắc nhọn là hung khí nguy hiểm đâm nhiều nhát vào người sẽ gây nguy hiểm đến tính mạng và sức khỏe của người khác, nhưng bị cáo chỉ vì mâu thuẫn với bị hại đã thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, đâm nhiều nhát vào người bị hại, trong đó có 05 vết thương vào vùng ngực, bụng, là vùng trọng yếu của cơ thể dẫn đến bị hại Danh T bị sốc mất máu cấp dẫn đến tử vong, còn A bị 01 vết thương vùng mông phải gây nên tổn thương cơ thể với tỷ lệ là 8%. Do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” theo quy định tại khoản 2, Điều 123 Bộ luật Hình sự và tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 134 Bộ luật Hình sự như kết luận của Viện Kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm. Khi bị T và A xông vào đánh bằng tay, đáng lẽ bị cáo phải bình tĩnh xử lý, giải quyết tình huống hoặc nhờ người trợ

giúp, nhưng bị cáo lại dùng dao đâm nhiều nhất vào bị hại Danh T trong đó có 06 vết thương vào vùng trọng yếu cơ thể (01 vết vùng cổ và 05 vết vùng ngực, bụng) gây nên cái chết của bị hại và đâm 01 nhất vào vùng mông gây tổn thương sức khỏe cho bị hại Danh A. hành vi của bị cáo thể hiện thái độ xem thường pháp luật, xem thường tính mạng, sức khỏe của người khác. Hậu quả bị cáo gây ra ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội chung và gây thiệt hại về vật chất, tổn thất về tinh thần nặng nề cho gia đình người bị hại. Do đó, cần xử bị cáo mức án nghiêm để giáo dục, cải tạo bị cáo, đồng thời phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, động viên gia đình khắc phục một phần chi phí mai táng cho gia đình bị hại Danh T, sau khi gây án bị cáo ra đầu thú, bị cáo phạm tội cũng có một phần lỗi của người bị hại, do đó Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát và luật sư bào chữa cho bị cáo, cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, khoản 1 và khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với tội “Giết người” và cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, khoản 1 và khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với tội “Cố ý gây thương tích” để xem xét khi quyết định hình phạt cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của người đại diện hợp pháp của người bị hại Danh T - bà Thị B và yêu cầu của bị hại Danh A. Xét thấy, sự thỏa thuận về việc đồng ý bồi thường cho bị hại và gia đình bị hại của bị cáo là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định pháp luật nên căn cứ Điều 3 Bộ luật Dân sự Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, ông Trần Thanh Lưỡng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông bà đồng ý cho bị cáo số tiền 15.000.000 đồng mà ông bà đã bồi thường cho gia đình bị hại Danh T thay cho bị cáo và số tiền thăm hỏi sức khỏe của bị hại Danh A là 500.000 đồng, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu, tiêu hủy toàn bộ vật chứng không C giá trị sử dụng theo Quyết định chuyển giao vật chứng số 19/QĐCGVC ngày 10/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang.

[7] Về án phí:

Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Nguyễn Văn V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.142.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 299 và khoản 6, Điều 326, Điều 327, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Thanh V phạm tội “*Giết người*” và tội “*Cố ý gây thương tích*”.

2. Áp dụng: khoản 2, Điều 123, điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trần Thanh V 07 (bảy) năm tù về tội “*Giết người*”.

Áp dụng: điểm a, khoản 1, Điều 134, điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trần Thanh V 09 (chín) tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng: Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt là 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù.

Thời điểm chấp hành hình phạt tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 30/5/2017.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 590, Điều 591 và Điều 3 Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa bị cáo với bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại. Theo đó, bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho người đại diện hợp pháp của bị hại Danh T – bà Thị B và ông Danh H là 40.500.000 đồng (Bốn mươi triệu năm trăm ngàn đồng) và bồi thường thiệt hại cho bị hại anh Danh A là 22.349.610 (Hai mươi hai triệu ba trăm bốn mươi chín ngàn sáu trăm mười đồng).

Kể từ ngày người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Trần Thanh V chưa thi hành đối với số tiền chưa thi hành thì bị cáo C phải chịu tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a, khoản 1, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Tịch thu, tiêu hủy toàn bộ vật chứng đã thu giữ theo Quyết định chuyển giao vật chứng số 19/QĐCGVC ngày 10/5/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang.

5. Về án phí:

Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Trần Thanh V phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.142.000 đồng (Ba triệu một trăm bốn mươi hai ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

6. Về quyền kháng cáo:

Báo cho bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại bà Thị B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp của người bị hại ông Danh H vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh;
- Phòng CSĐT CA tỉnh;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh;
- Phòng Hộ tịch Sở Tư pháp tỉnh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Đường sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Minh Triều

Thành VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Đức

Lê Bích

Võ Minh Triều